

Số: 213 /BC-UBND

Diên Khánh, ngày 22 tháng 8 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG**  
**NÔNG THÔN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1956/QĐ-TTg NGÀY 27/11/2009**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG**  
**THÔN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY**

**I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG**

**1. Bối cảnh và điều kiện hiện tại**

- Diên Khánh nằm về phía Tây tỉnh Khánh Hòa, cách thành phố Nha Trang khoảng 10km, có vị trí địa lý:
  - + Phía Đông giáp thành phố Nha Trang.
  - + Phía Tây giáp huyện Khánh Vĩnh.
  - + Phía Nam giáp huyện Cam Lâm.
  - + Phía Bắc giáp huyện Khánh Vĩnh và huyện Ninh Hòa.
- Diện tích tự nhiên của huyện là 337,55 km<sup>2</sup>, chiếm 6,47% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, gồm 19 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.
- Dân số hiện nay có khoảng 146.000 người; số người trong độ tuổi lao động: 68.851 người
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề):

Năm	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề
2015	62%	53%
2016	66,01%	54,6%
2017	71,2%	55,6%
2018	73,2%	58%
Ước thực hiện 2019	74,5%	59%
Mục tiêu đến 2020	75%	60%

**2. Tổng số cơ sở tham gia hoạt động GDNN trên địa bàn: 07, Cụ thể gồm:**

- + Trường Cao đẳng nghề Quốc Tế Nam Việt;
- + Trường Trung cấp nghề Diên Khánh;
- + Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh;
- + Cơ sở dạy nghề Á Châu;
- + Cơ sở GDNN Trí Việt;
- + Cơ sở Dạy nghề Bình Minh;
- + Cơ sở Dạy nghề Sợi – May Nha Trang.

**3. Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn:** Giai đoạn 2010 - 2015: 2.024 người và giai đoạn 2016 – 2020: 2.500 người

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010-2015 VÀ 2016-2018, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2020**

### **1. Kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

#### **1.1. Kết quả:**

- Từ năm 2010 đến năm 2015, toàn huyện đã đào tạo nghề cho 2.159 học viên. So với kế hoạch: 2.159/2.024 đạt 106,6%. Trong đó: Nghề phi nông nghiệp tổ chức 59 lớp với 1.379 học viên, nghề nông nghiệp 28 lớp với 780 học viên; cụ thể:

+ Năm 2010, đã tổ chức dạy nghề may cho 60 lao động nông thôn với kinh phí 123.250.000 đồng.

+ Năm 2011, đã tổ chức chiêu sinh và đào tạo được 14 lớp nghề ngắn hạn, với các mô hình nông nghiệp và phi nông nghiệp với tổng số 355 học viên với kinh phí đã thực hiện 723 triệu/750 triệu đồng so với kế hoạch Tỉnh giao; trong đó nghề nông nghiệp 161 học viên, nghề phi nông nghiệp 194 học viên.

+ Năm 2012, tổ chức chiêu sinh và đào tạo được 14 lớp nghề ngắn hạn, với các mô hình nông nghiệp và phi nông nghiệp với tổng số 372 học viên với kinh phí đã thực hiện 725 triệu/700 triệu đồng so với kế hoạch Tỉnh giao; trong đó nghề nông nghiệp 256 học viên, nghề phi nông nghiệp 116 học viên

+ Năm 2013, tổ chức chiêu sinh và đào tạo được 09 lớp nghề phi nông nghiệp, có 218 học viên tham gia với tổng kinh phí là 424.823.000 đồng/770 triệu đồng so với kế hoạch Tỉnh giao. Nghề nông nghiệp, Chi cục Phát triển nông thôn và Hội Nông dân Tỉnh phối hợp với các xã tổ chức được 4 lớp với 123 học viên với kinh phí 246 triệu đồng.

+ Năm 2014, tổ chức 19 lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp cho 447 lao động nông thôn, với kinh phí 880,532 triệu đồng. Nghề nông nghiệp: Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư và Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân tỉnh Khánh Hòa đã phối hợp với các xã mở 04 lớp gồm các nghề: trồng cây ăn quả, trồng cây lương thực thực phẩm và kỹ thuật thú y (chăn nuôi gà thả vườn) cho tổng số 131 học viên với kinh phí 262 triệu đồng.

+ Năm 2015 Phòng đã triển khai thực hiện được 16 lớp nghề phi nông nghiệp với 530 học viên đăng ký tham gia, gồm các nghề: may, xây dựng nề, công nghệ sợi, nấu ăn. Kết thúc khóa học có 344 người tốt nghiệp với kinh phí hỗ trợ là 712.530.000 đồng. Nghề nông nghiệp: Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư tỉnh và Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân tỉnh phối hợp với các xã tổ chức 4 lớp cho 109 lao động nông thôn tham gia học nghề với kinh phí 218 triệu đồng.

- Giai đoạn 2016 – 2018: toàn huyện đã đào tạo nghề cho 1.311 học viên; cụ thể:

+ Năm 2016, Tổng số lao động nông thôn tham gia học nghề năm 2016 là 662 người. Trong đó có 510 người tốt nghiệp, gồm: 17 lớp nghề phi nông nghiệp với 612 học viên đăng ký tham gia, gồm các nghề: may, xây dựng nề, mây tre lá, dịch vụ

chăm sóc gia đình, nấu ăn. Kết thúc khóa học có 424 người tốt nghiệp. Nghề nông nghiệp: Tổ chức được 3 lớp cho 86 người. Trong đó: Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư tỉnh phối hợp với 02 xã Diên Lâm và Diên Lộc tổ chức 2 lớp (trồng cây ăn quả và trồng cây lương thực thực phẩm) cho 56 lao động nông thôn;

+ Năm 2017, Tổng số lao động nông thôn tham gia học nghề là 531 người. Trong đó có 424 người tốt nghiệp, gồm 16 lớp nghề phi nông nghiệp với 431 người đăng ký học nghề, có 343 người tốt nghiệp. Nghề nông nghiệp: Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư tỉnh phối hợp với xã Diên Đồng tổ chức 01 lớp trồng cây công nghiệp cho 30 lao động nông thôn; Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tổ chức 02 lớp (kỹ thuật thú y và kỹ thuật trồng cây ăn quả) cho 70 lao động nông thôn tại 02 xã Diên Lộc và Diên Đồng, kết thúc khóa học có 51 học viên tốt nghiệp.

+ Năm 2018, Tổng số lao động nông thôn được đào tạo nghề năm 2018 là 377 người. Trong đó: Nghề nông nghiệp: Trung tâm Hỗ trợ nông dân và Giáo dục nghề nghiệp tổ chức 02 lớp trồng cây ăn quả cho 53 lao động nông thôn tại xã Suối Tiên và Diên Xuân. Nghề phi nông nghiệp: tổ chức được 12 lớp nghề phi nông nghiệp với 324 học viên, gồm các nghề may, xây dựng nề, nấu ăn, điện lạnh.

- 6 tháng đầu năm 2019: tổng số lao động nông thôn tham gia học nghề là 252 người; trong đó: Nghề nông nghiệp: Trung tâm Hỗ trợ nông dân và Giáo dục nghề nghiệp tổ chức 01 lớp trồng cây ăn quả cho 28 lao động nông thôn tại xã Suối Hiệp. Nghề phi nông nghiệp: tổ chức 08 lớp với 224 người. Ước thực hiện đến cuối năm 2019 là 11 lớp nghề phi nông nghiệp với 298 học viên đạt 100% kế hoạch giao.

- Dự kiến năm 2020: đào tạo nghề phi nông nghiệp cho 280 người

**1.2. Hiệu quả:** (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

**2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã:** Số lượng cán bộ công chức xã được đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2010-2015 là 429 người, giai đoạn 2016 – 2018: 184 người, ước thực hiện năm 2019: 63 người, dự kiến năm 2020: 60 người

**3. Nguồn lực thực hiện:** Kết quả, hiệu quả nguồn lực thực hiện, tổng số và chia theo từng hoạt động.

### **III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010-2015 VÀ 2016-2018, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2020**

#### **1. Về công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và hệ thống cơ quan tham mưu, giúp việc tổ chức quản lý và triển khai thực hiện**

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cụ thể:

- Quyết định thành lập BCD thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 (Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 30/6/2010);

- Quyết định thay thế, bổ sung và xác định lại thành viên BCD Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 (Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 12/10/2011);

- Quyết định thay thế, bổ sung và xác định lại thành viên BCD Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 (Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 12/10/2015)
- Kế hoạch dạy nghề may cho lao động nông thôn theo nhu cầu của doanh nghiệp (Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 17/9/2010);
- Triển khai kế hoạch đào tạo nghề năm 2011 (Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 15/02/2011);
- Vận động học viên học nghề theo kế hoạch, phân bổ cụ thể số lượng cho từng địa phương (công văn số 793/UBND ngày 18/4/2011);
- Báo cáo tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2011 và Kế hoạch năm 2012 (Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 14/3/2012);
- Báo cáo tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2012 và Kế hoạch năm 2013 (Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 14/3/2013);
- Báo cáo tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2013 và Kế hoạch năm 2014 (Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 24/3/2014);
- Báo cáo tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2014 và Kế hoạch năm 2015 (Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 09/4/2015);
- Báo cáo tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2015 và Kế hoạch năm 2016 (Báo cáo số 44/BC-UBND ngày 23/3/2016);
- Báo cáo tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2016 và Kế hoạch năm 2017 (Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 05/4/2017);
- Báo cáo tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 (Báo cáo số 73/BC-UBND ngày 16/4/2018);
- Báo cáo tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2018 và Kế hoạch năm 2019 (Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 22/02/2019);
- Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện (Báo cáo số 55/BC-UBND ngày 04/4/2012)
- Báo cáo sơ kết 4 năm (2010-2013) thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và kế hoạch 2014 ( Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 19/3/2014)
- Báo cáo kết quả thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2014 và sơ kết 5 năm (2010-2014) thực hiện đề án; dự kiến kế hoạch năm 2015 và giai đoạn 2016-2020
- Báo cáo kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm

2016 và sơ kết 7 năm (2010 -2016) thực hiện Đề án; Kế hoạch năm 2017 và giai đoạn 2016-2020...

-Thực hiện Thông tư liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BTC-BTTTT ngày 12 tháng 12 năm 2012 về việc hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg, UBND huyện ban hành văn bản số 697/UBND ngày 01/4/2013 yêu cầu các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn thực hiện đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Thông tư này. Qua đó, các cơ quan chuyên môn Huyện, được giao trách nhiệm đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện Đề án.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp chặt chẽ với Hội Nông dân huyện, Phòng Giáo dục – Đào tạo chỉ đạo hướng dẫn, họp giao ban đôn đốc người lao động ra lớp học nghề theo chỉ tiêu số lượng giao.

**2. Về ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương:** thực hiện theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên

### **3. Việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

#### **3.1. Điều tra, khảo sát:**

- Thực hiện chỉ đạo của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, chuẩn bị cho việc dạy nghề theo Đề án 1956, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tiến hành tổng rà soát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn. Năm 2010, kết quả toàn huyện có 73.687 người trong độ tuổi lao động (trong đó có việc làm là 65.531 người, số người không có việc làm là 8.156 người, số người trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo là 8.299 người)

- Hàng năm, căn cứ tình hình phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, Phòng hướng dẫn các xã, thị trấn rà soát nhu cầu học nghề của người dân, đảm bảo tạo được việc làm sau khi học nghề và đề xuất các danh mục nghề để kịp thời bổ sung.

- Số lao động nông thôn có nhu cầu học nghề (nông nghiệp và phi nông nghiệp):

Năm 2010, qua kết quả khảo sát nhu cầu học nghề trên địa bàn, có 1989 người trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề với 56 nghề, trong đó nhu cầu học nghề may công nghiệp, hàn tiện, lái xe, xây dựng, nấu ăn có số lượng nhiều nhất (may công nghiệp: 418 người, hàn tiện: 286 người, lái xe: 210 người, xây dựng: 149 người, nấu ăn: 140 người). Địa bàn Thị trấn Diên Khánh chỉ điều tra lao động có làm nghề nông nghiệp.

- Nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp:

Qua kết quả khảo sát 40/260 doanh nghiệp trên địa bàn huyện (chọn mẫu) nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của doanh nghiệp đến 2015 là 180 người, trong đó chủ yếu là sơ cấp nghề; cơ cấu: Thợ hàn: 80 người, thợ tiện: 60 người, thợ xây: 20 người và điện cơ: 20 người.

- Nhu cầu sử dụng lao động của huyện Cam Lâm, thành phố Nha Trang (địa bàn giáp ranh thu hút lao động Diên Khánh: May công nghiệp: 500 người, Chế biến thủy sản: 400 người)

### 3.2. Tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

- Đã tổ chức 15 hội nghị chuyên đề tại huyện; thành phần tham dự gồm Trưởng các ngành, đoàn thể huyện, các cơ sở dạy nghề, lãnh đạo UBND xã, Chủ tịch Hội Nông dân, Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng và cán bộ lao động thương binh xã hội các xã, thị trấn;

- Hội Nông dân huyện phối hợp các đơn vị dạy nghề tổ chức thông tin tuyên truyền, tư vấn thường xuyên tại các cụm dân cư; phát hơn 13.000 tờ rơi tuyên truyền cho nhân dân; các nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 được thường xuyên tuyên truyền trên Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện và Đài Truyền thanh các xã, thị trấn;

- Đa số nhân dân biết được chính sách hỗ trợ cho lao động nông thôn. Hầu hết, lao động nông thôn được tư vấn trước khi học nghề và được tư vấn về địa chỉ các cơ sở dạy nghề học nghề gắn với việc làm tốt;

### 3.3. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề

- Chất lượng đội ngũ giáo viên tham gia dạy nghề đáp ứng đúng, đủ tiêu chuẩn dạy nghề cho lao động nông thôn theo Đề án; việc huy động các nghệ nhân, người lao động có tay nghề cao tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông – lâm – ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn đã góp phần tích cực vào việc nâng cao trình độ, kỹ năng cũng như kinh nghiệm thực tế cho người lao động.

- Để thực hiện kế hoạch đào tạo nghề đạt được hiệu quả cao, huyện Diên Khánh đã lựa chọn các cơ sở dạy nghề đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện về giáo viên, thiết bị, tài liệu đảm bảo chất lượng giảng dạy theo các danh mục nghề và giáo trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể gồm: Trường Trung cấp nghề Diên Khánh; trường Cao đẳng Nghề Quốc tế Nam Việt; Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh và các cơ sở dạy nghề có kinh nghiệm trên địa bàn tỉnh tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.

- UBND huyện đã bố trí 01 cán bộ chuyên trách thuộc Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội theo dõi công tác dạy nghề cho lao động để kịp thời tham mưu, hướng dẫn cũng như theo dõi, kiểm tra các lớp nghề được mở trên địa bàn.

- Hàng năm, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa có tổ chức lớp tập huấn nâng cao năng lực cán bộ lao động – thương binh và xã hội làm công tác dạy nghề, giải quyết việc làm cho 02 cán bộ cấp huyện và 19 cán bộ lao động – thương binh và xã hội cấp xã.

### 3.4. Mô hình điển hình trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Nghề phi nông nghiệp chỉ tập trung đào tạo những nghề giải quyết được việc làm sau khi học nghề; trong đó, nghề may chiếm tỷ lệ có việc làm cao nhất. Hầu hết người lao động sau khi học xong nghề may đều có việc làm tại Công ty CP Dệt may Nha Trang hoặc làm việc tại các công ty may tại TP Hồ Chí Minh. Hiện nay, nhu cầu tuyển dụng công nhân may rất nhiều, các doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động khi làm việc như: thực hiện đầy đủ các chế độ, bồi dưỡng ăn ca, tiền đi lại...; đây là điều kiện để tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn, giải quyết

việc làm sau khi học nghề, tạo thu nhập cho người lao động.

- Mô hình nghề nông nghiệp hiện nay trang bị thêm kiến thức khoa học giúp người lao động có điều kiện mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng quy mô sản xuất, thu hút lao động nông nhân trong khu dân cư. Hầu hết, các học viên sau khi tốt nghiệp tự tạo việc làm và tiếp tục sản xuất kinh doanh như trước khi học nghề. Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau đào tạo trên 85%.

3.5. Kết quả thực hiện các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Từ năm 2010 đến năm 2018 tổng kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề (học phí, tiền ăn) là 5.732,695 triệu đồng, ước tổng kinh phí thực hiện năm 2019 và 2020 là 1.240 triệu đồng.

### 3.6. Kiểm tra, giám sát:

- Năm 2013, Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng Nhân dân huyện giám sát 2 xã Diên Tân, Diên Toàn; phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức đoàn kiểm tra việc triển khai công tác dạy nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 tại 05 xã Diên An, Diên Thạnh, Diên Bình, Diên Phước, Diên Phú.

- Năm 2016, Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện giám sát việc thực hiện công tác đào tạo nghề giải quyết việc làm cho lao động nông thôn từ năm 2010 đến năm 2016 tại 6 xã: Diên Toàn, Diên Thạnh, Diên Phú, Diên An, Diên Điền, Diên Sơn và Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Trong 10 năm từ 2010-2019 có 13 đoàn kiểm tra giám sát cấp huyện tại các xã, thị trấn về việc triển khai công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội có Kế hoạch cụ thể giám sát việc thực hiện dạy nghề của tất các cơ sở dạy nghề có ký hợp đồng dạy nghề với Phòng; giám sát từ lúc khai giảng, giảng dạy và tổng kết lớp học. Riêng giảng dạy giám sát 2-4 lần/lớp, kiểm tra hồ sơ quyết toán kinh phí so với dự toán. Giám sát hiệu quả đào tạo nghề qua tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp và tự tạo việc làm.

3.7. Chế độ báo cáo: Thực hiện báo cáo 6 tháng, cả năm và báo cáo theo chỉ đạo.

### 4. Về kết quả thực hiện đối với từng tiêu chí nông thôn mới “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo”

Năm	Số lượng lao động có việc làm qua đào tạo	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)
2016	45.808	66,01%
2017	46.154	71,2%
2018	46.660	73,2%
Ước thực hiện 2019 - 2020	47.000	75%

Nhìn chung được sự quan tâm cấp trên và sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các ngành, đoàn thể liên quan, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã mang lại kết quả tốt, nhất là việc chọn lựa ngành, nghề phù hợp với nhu cầu của người lao động, sau khi học nghề người lao động có việc làm ngay



#### **IV. ĐÁNH GIÁ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN; ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Diên Khánh đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực. Tạo sự chuyển biến trong nhận thức về nghề, trang bị kiến thức về nghề, góp phần chuyển đổi nghề nghiệp trong nhân dân, tạo công ăn việc làm mới, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, góp phần giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động nông thôn.

- Cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể cấp huyện, các cơ sở dạy nghề và nhiều xã quan tâm, nêu cao tinh thần trách nhiệm vận động, tư vấn học nghề và gắn với giải quyết việc làm;

##### **2. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập đối với việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

###### **a) Điều tra, khảo sát:**

Công tác điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn hàng năm cũng đã đáp ứng một số thông tin nhằm định hướng phát triển nhu cầu về lao động, học nghề và việc làm nhưng vẫn còn một số mặt hạn chế như: Công tác điều tra tổ chức chưa kịp thời, lực lượng điều tra viên không chuyên chủ yếu là cán bộ thôn, Tổ dân phố, trình độ năng lực còn yếu, thiếu nhiệt tình vì vậy chất lượng điều tra, khảo sát đạt chất lượng chưa cao, thiếu trung thực, số liệu trùng lặp.

- Còn nhiều lao động không muốn học nghề mặc dù đã nhiều lần được tuyên truyền tư vấn. Tâm lý tham gia lao động phổ thông có thu nhập cao hơn, không mất thời gian đi học nghề. Chưa ý thức được tham gia lao động tại các doanh nghiệp tuy thu nhập hàng tháng không cao nhưng thu nhập ổn định;

b) Công tác tuyên truyền, vận động, truyền thông về đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền và các cấp các ngành trong công tác tuyên truyền giáo dục, qua nhiều hình thức đã triển khai và thực hiện, đến nay cơ bản nhân dân đã có sự hiểu biết nhất định về công tác đào tạo nghề, nhất là nghề cho lao động nông thôn

###### **c) Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề**

Tuy hàng năm, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa có tổ chức lớp tập huấn nâng cao năng lực cán bộ lao động – thương binh và xã hội làm công tác dạy nghề, giải quyết việc làm nhưng cán bộ lao động – thương binh và xã hội cấp xã kiêm nhiệm rất nhiều lĩnh vực nên công tác dạy nghề chưa được đầu tư quan tâm nhiều, UBND cấp xã phân công cho các hội như: Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, Hội Nông dân xã hoặc Đoàn thanh niên xã phụ trách các lớp nghề do đó công tác phối hợp chưa được chặt chẽ, và những cán bộ này lại chưa được tập huấn, hướng dẫn nên trong công tác triển khai còn nhiều hạn chế

###### **d) Triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

Nhìn chung được sự quan tâm cấp trên và sự phối hợp giữa các ngành, đoàn



thể liên quan, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã mang lại kết quả tốt nhất là việc chọn lựa ngành, nghề phù hợp với nhu cầu của người lao động, sau khi học nghề người lao động có việc làm ngay. Góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo theo mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Tạo việc làm cho lao động nông thôn và từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng, thương mại, dịch vụ.

Bên cạnh thuận lợi cũng có những khó khăn như:

- Trong quá trình tổ chức lớp, một số xã đã vận động đối tượng lao động nông thôn ra lớp học nghề và gửi đơn đăng ký học nghề của học viên về Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội nhưng khi triển khai tổ chức khai giảng các lớp học nghề thì số lượng học viên tham dự lớp học còn ít, không đảm bảo theo danh sách đăng ký ban đầu. Còn một số lớp đào tạo nghề mây tre lá học viên là đồng bào dân tộc thiểu số, lớp dịch vụ chăm sóc gia đình có việc làm sau học nghề còn thấp chưa đạt yêu cầu do học viên học xong không đi làm theo nghề đã học. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội đã phối hợp với UBND các xã và cơ sở đào tạo nghề tiếp tục vận động học viên giải quyết việc làm trong thời gian tới.

- Sự quan tâm chỉ đạo có xã, thị trấn còn hạn chế, công tác tuyên truyền vận động cho đối tượng học nghề của chính quyền các đoàn thể cơ sở chưa quyết liệt nên kết quả đối tượng đăng ký học nghề không đạt yêu cầu;

đ) Việc bố trí và huy động nguồn lực thực hiện: Kinh phí được UBND tỉnh cấp

e) Việc thực hiện các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Việc hỗ trợ kinh phí (học phí, tiền ăn) góp phần tạo điều kiện để người lao động có hoàn cảnh khó khăn có điều kiện tham gia, duy trì học nghề. Tuy nhiên, đối với người lao động là dân tộc thiểu số thì mức hỗ trợ tiền ăn, xăng xe còn thấp nên số lượng người dân tộc thiểu số tham gia học nghề chưa nhiều.

g) Việc kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo: Công tác đào tạo nghề được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, giúp cho việc nắm bắt tình hình đào tạo nghề (số lượng học viên, tình hình học của học viên, có việc làm sau khi học xong) chính xác và kịp thời để có những thay đổi, điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế.

**3. Bộ tiêu chí xây dựng NTM:** Đào tạo nghề góp phần nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo, từ đó địa phương đạt được tiêu chí đề ra

**4. Công tác huy động và sử dụng nguồn lực:** Nguồn vốn dạy nghề lao động nông thôn được sử dụng đúng mục đích, chi đúng chế độ quy định không gây lãng phí, thất thoát. Kinh phí hàng năm được quyết toán và báo cáo theo quy định tài chính hiện hành.

**5. Những bất cập về cơ chế, chính sách thực hiện:** Không

**V. TỔNG KẾT MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI:**

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn là một chính sách lớn của Đảng, Nhà nước ta góp phần thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện chính sách an sinh xã hội. Để thực hiện có hiệu quả Đề án 1956 trong thời gian tới phải tiếp tục huy động cả hệ thống chính trị, và đầu tư nguồn lực đúng mức

và thường xuyên.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn cho đối tượng lao động nông thôn đi học nghề làm cho đối tượng nhận thức đầy đủ về chính sách, chế độ của người học, biết được địa chỉ cơ sở dạy nghề gắn với chỗ làm tốt có thu nhập phù hợp để họ có thái độ, động cơ đúng với việc học nghề.

- Chọn cơ sở dạy nghề đủ năng lực, đảm bảo chất lượng dạy nghề để hợp đồng dạy nghề

## Phần thứ hai

### I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019-2020

1. Kế hoạch năm 2019-2020: Số người lao động: 578 người; kinh phí: 1.240 triệu đồng

2. Chỉ tiêu thực hiện Tiêu chí 14.3 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới: Tất cả các xã đạt tiêu chí “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo”

### II. MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019-2020

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân về vai trò, tầm quan trọng của đào tạo nghề gắn với việc làm, tăng thu nhập, gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Gắn hoạt động xuất khẩu lao động với các công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề để đảm bảo các yêu cầu về trình độ, tác phong và ngoại ngữ.

- Tạo sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo, người lao động và các doanh nghiệp trong định hướng, tuyển dụng và đào tạo cho phù hợp với nhu cầu lao động và ngành nghề đào tạo.

- Đẩy mạnh dạy nghề cho lao động nông thôn bằng những hình thức phù hợp với tình hình thực tế địa phương, tăng thời lượng thực hành, tạo kỹ năng cho người học; hình thành các tổ sản xuất để hợp tác sản xuất, giảm thiểu rủi ro, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng thu nhập.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá, kịp thời khắc phục những khó khăn, tồn tại; biểu dương những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn của UBND huyện Diên Khánh.

#### Nơi nhận:

- Sở LĐ-TBXH;
- Phòng LĐ-TBXH huyện;
- Lưu: VT.

*Thuy*



**Nguyễn Thị Kim Hương**

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN**

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
<b>I</b>	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành</b>						
1	Số đoàn kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề cho LĐNT	Đoàn	7	6	0	1	1
2	Số nghề trong danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	62	62	62	62	62
	<i>Nghề nông nghiệp</i>	<i>Nghề</i>					
	<i>Nghề phi nông nghiệp</i>	<i>Nghề</i>					
3	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề					
4	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức chi phí đào tạo, đơn giá đặt hàng, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề					
5	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của cấp tỉnh ban hành đang áp dụng riêng tại địa phương <sup>1</sup>	Số lượng	1	2	2	2	2
6	Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho LĐNT						
	<i>Số tin, bài tuyên truyền</i>	<i>Tin, bài</i>					
	<i>Số người được tuyên truyền, tư vấn học nghề</i>	<i>Người</i>					
7	Số chương trình, giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa hoặc xây dựng mới	C.Tr					
	<i>Số chương trình, giáo trình đào tạo nghề nông nghiệp</i>	<i>C.Tr</i>					
	<i>Số chương trình, giáo trình đào tạo nghề phi nông nghiệp</i>	<i>C.Tr</i>					
8	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	Người					
	<i>Số giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng.</i>	<i>Người</i>					
	<i>Số cán bộ chuyên trách về Giáo dục nghề nghiệp cấp huyện</i>	<i>Người</i>					
	<i>Số cán bộ kiêm nhiệm theo dõi về Giáo dục nghề nghiệp cấp huyện</i>	<i>Người</i>					

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
9	Tổng số LĐNT được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp	Người					
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng	Người					
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp	Người					
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ sơ cấp	Người					
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo dưới 3 tháng	Người	2.159	1.311	224	298	280
10	Tổng số LĐNT được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo chính sách quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg	Người		28	21	21	20
10.1	Chia theo lĩnh vực	Người					
	Nông nghiệp	Người					
	Phi nông nghiệp	Người		28	21	21	20
10.2	Chia theo đối tượng	Người					
	Lao động nữ	Người		28	21	21	20
	Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người					
	Người dân tộc thiểu số	Người					
	Người thuộc hộ nghèo	Người					
	Người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh	Người					
	Người khuyết tật	Người					
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người					
	LĐNTkhác	Người					
11	Tổng số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho LĐNT	Cơ sở					

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
	Trường cao đẳng	Cơ sở	1	1	0	0	0
	Trường trung cấp	Cơ sở	1	1	1	1	1
	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp <sup>2</sup>	Cơ sở	1	1	1	1	1
	Doanh nghiệp	Cơ sở	0	0	0	0	0
	Cơ sở đào tạo khác	Cơ sở	4	2	0	0	0
12	Tổng số kinh phí đã sử dụng (phi nông nghiệp)	Tr.đ	3.589,135	2.143,56	0	640	600
12.1	Chia theo nguồn kinh phí (phi nông nghiệp)	Tr.đ					
	Ngân sách Trung ương	Tr.đ	3.589,135	2.143,56	0	640	600
	Ngân sách Địa phương	Tr.đ					
	Các nguồn khác	Tr.đ					
12.2	Chia theo nội dung hoạt động (phi nông nghiệp)	Tr.đ					
	Tuyên truyền, tư vấn học nghề	Tr.đ		13,5	5	10	10
	Điều tra, khảo sát, rà soát, cập nhật, xác định nhu cầu học nghề	Tr.đ					
	Phát triển chương trình, giáo trình	Tr.đ					
	Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý	Tr.đ					
	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề <sup>1</sup>	Tr.đ					
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (phi nông nghiệp)	Tr.đ	3.589,135	2.143,56	0	640	600
	Kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động khác	Tr.đ					
13	Số người được vay vốn hỗ trợ sản xuất sau học nghề	Người					

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
14	Tổng số LĐNT có việc làm sau học nghề (phi nông nghiệp)	Người	1199/1382	942/1091	26/33	254/298	240/280
14.1	Chia theo lĩnh vực	Người					
	Nông nghiệp	Người					
	Phi nông nghiệp	Người	1199/1382	942/1091	26/33	254/298	240/280
14.2	Chia theo loại hình công việc	Người					
	LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động	Người	738	131	3	0	
	LĐNT được doanh nghiệp nhận ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm	Người					
	LĐNT tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên	Người	461	811	23	254	
	LĐNT thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất	Người					
15	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo	Hộ	55	38	0	5	
16	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá	Hộ					

## CHỈ TIÊU GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 736/QĐ-LĐTĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
I. CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH	1. Công tác kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề cho lao động nông thôn	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 13 Đoàn
	2. Danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt [2]	
	2.1. Nghề nông nghiệp	
	2.2. Nghề phi nông nghiệp	
	3. Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo, bồi dưỡng công chức xã được phê duyệt [3]	+ Số quyết định phê duyệt trong năm báo cáo: 01 + Đào tạo nghề: 640 triệu; - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: + Số quyết định phê duyệt: 10 + Đào tạo nghề: 6.372,695 triệu;
	4. Số nghề đào tạo cho lao động nông thôn đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật [4], được UBND cấp tỉnh phê duyệt	
	5. Số nghề đào tạo cho lao động nông thôn đã xây dựng định mức chi phí đào tạo, đơn giá đặt hàng [5] được UBND cấp tỉnh phê duyệt.	
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN	6. Số lượng các văn bản của cấp tỉnh, các sở, ngành, địa phương hướng dẫn, chỉ đạo về đào tạo nghề cho lao động nông thôn được ban hành [6]	- Số lượng văn bản trong kỳ báo cáo: 3 - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 25
	7. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của cấp tỉnh ban hành đang áp dụng riêng tại địa phương [7]	- Số nghị quyết/quyết định ban hành trong kỳ báo cáo: 0 - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 7
	8. Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn	- Số lượng tin, bài, chuyên đề, phóng sự được phát trên các báo, đài, trang điện tử của các cơ quan, ban ngành địa phương trong kỳ báo cáo: 01 - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 12
	9. Số chương trình, giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa hoặc xây dựng mới	
	9.1. Số chương trình đào tạo nghề nông nghiệp	
	9.2. Số chương trình đào tạo nghề phi nông nghiệp	
	10. Số giáo viên/người dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm/ kỹ năng dạy học	
	11. Tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 255 người. 91 % so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước - Lũy kế đến thời điểm báo cáo. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch trong Đề án: 3.768 người
11.1. Chia theo cấp trình độ đào tạo		
11.1.1. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng		
11.1.2. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp		



Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
	11.1.3. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo sơ cấp	
	11.1.4. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo dưới 3 tháng	- 255 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 3.768 người
	11.2. Tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo chính sách quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg chia theo lĩnh vực	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 21 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 49 người
	11.2.1. Số người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp	
	11.2.2. Số người được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp	- 21 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 49 người
	<b>11.3. Tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng chia theo đối tượng</b> (người thuộc đối tượng nào thì thống kê tổng hợp đầy đủ theo đối tượng đó)	
	11.3.1. Lao động nữ	- 121 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 1.844 người
	11.3.2. Số người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	- 1 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 3 người
	11.3.3. Số người dân tộc thiểu số	- 0 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 59 người
	11.3.4. Số người thuộc hộ nghèo	- 8 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 305 người
	11.3.5. Số người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh	- 25 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 25 người
	11.3.6. Số người khuyết tật	- 0 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 23 người
	11.3.1. Số người thuộc hộ cận nghèo	- 33 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 339 người
	11.3.8. Số lao động nông thôn không thuộc các đối tượng nêu trên	- 123 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 3.765 người
	<b>12. Tổng số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn</b>	
	12.1. Trường cao đẳng	- Tổng số trong kỳ báo cáo: 01 - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 7 cơ sở
	12.2. Trường trung cấp	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 01
	12.3. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp[8]	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 01
	12.4. Doanh nghiệp	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 04
	12.5. Cơ sở đào tạo khác	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0
	13. Số cán bộ, công chức xã được đào tạo bồi dưỡng	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 40 người - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 613 người
	14. Tổng số kinh phí (triệu đồng) đã sử dụng	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 5.732,695 triệu đồng

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Hướng dẫn chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>
	<b>14.1. Chia theo nguồn vốn</b>	
	14.1.1. Ngân sách Trung ương	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 5.732,695 triệu đồng
	14.1.2. Ngân sách Địa phương	
	14.1.3. Các nguồn khác	
	<b>14.2. Chia theo nội dung hoạt động</b>	
	14.2.1. Kinh phí hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề[9]	
	14.2.2. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn	
	14.2.3. Kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động khác về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	
	14.2.4. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã	
	15. Số người được vay vốn hỗ trợ sản xuất sau học nghề (phân theo các nguồn: Ngân hàng Chính sách - Xã hội, Quỹ QG GQVL, Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng thương mại,...).	
<b>III. HIỆU QUẢ</b>	<b>16. Tổng số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề</b>	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 3.394 người
	<b>16.1. Chia theo nghề học</b>	
	16.1.1. Số lao động có việc làm sau học nghề nông nghiệp	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 967 người
	16.1.2. Số lao động có việc làm sau học nghề phi nông nghiệp	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 2.427 người
	<b>16.2. Chia theo lĩnh vực công việc</b>	
	16.2.1. Số lao động được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 908 người
	16.2.2. Số lao động được doanh nghiệp nhận ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0
	16.2.3. Số lao động tiếp tục làm nghề cũ nhưng nâng suất lao động, thu nhập tăng lên	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 1.201 người
	16.2.4. Số lao động thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất...	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0
	16.2.5. Số lao động tự tạo việc làm	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 1.285 người
	17. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 165 người
	18. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá	

Diên Khánh, ngày tháng năm 2019  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

DVT: Người

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người LĐNT được học nghề Đề án 1956									Hiệu quả sau học nghề							
			Tổng số	Nữ	Đối tượng I					Đối tượng II	Đối tượng III	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá
					Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật										
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+(8)+(9)+(10)+(11)+(12)+(13)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+(17)+(18)+(19)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
<b>A</b>	<b>Năm 2016</b>																		
<b>I</b>	<b>Nghề Phi nông nghiệp</b>																		
1	May	35	16	11	0	0	0	0	11	0	5	16	14	14					
2	Mây tre lá	35	30	25	0	0	2	0	0	3	25	30	30	30				2	
3	Mây tre lá	35	21	13	0	9	0	0	0	0	12	21	16	16					
4	Mây tre lá	35	29	20	0	0	15	0	0	11	3	29	24	24				5	
5	Mây tre lá	35	35	16	0	35	0	0	0	0	0	35	20	20					
6	Xây dựng nề	35	21	4	0	0	16	0	0	4	1	21	21			21		6	
7	Xây dựng nề	35	19	3	0	0	3	0	0	2	14	19	19			19		1	
8	Dịch vụ CSGĐ	35	22	18	0	0	9	0	0	6	7	22	18			18		5	
9	Xây dựng nề	35	18	3	0	0	3	0	0	1	14	18	18			18		1	
10	Dịch vụ CSGĐ	35	25	21	0	0	0	0	0	0	25	25	21			21			

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người LĐNT được học nghề Đề án 1956									Hiệu quả sau học nghề							
			Tổng số	Nữ	Đối tượng I					Đối tượng II	Đối tượng III	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá
					Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật										
11	Dịch vụ CSGĐ	35	22	18	0	0	11	0	0	6	5	22	18			18		6	
12	Dịch vụ CSGĐ	35	25	25	0	0	17	0	0	5	3	25	25			25		9	
13	Dịch vụ CSGĐ	35	26	20	0	0	9	0	0	12	5	26	20			20		5	
14	Nấu ăn	35	26	21	0	0	1	0	0	0	25	26	23			23		1	
15	Nấu ăn	35	30	28	0	0	2	0	0	2	26	30	28			28		2	
16	Nấu ăn	35	31	23	0	0	0	0	0	1	30	31	25			25			
17	Nấu ăn	35	28	22	0	0	1	0	0	2	25	28	25			25			
<b>Tổng cộng</b>		<b>595</b>	<b>424</b>	<b>291</b>	<b>0</b>	<b>44</b>	<b>89</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>55</b>	<b>225</b>	<b>424</b>	<b>365</b>	<b>104</b>	<b>0</b>	<b>261</b>	<b>0</b>	<b>43</b>	
<b>II</b>	<b>Nghề nông nghiệp</b>																		
1	Trồng cây ăn quả	30	27	10	0	0	0	0	0	0	27	27			0	27			
2	Trồng cây LTPP	70	59	25	0	0	0	0	0	0	59	59			0	59			
<b>Tổng cộng</b>		<b>100</b>	<b>86</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>86</b>	<b>86</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>86</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng A</b>		<b>695</b>	<b>510</b>	<b>326</b>	<b>0</b>	<b>44</b>	<b>89</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>55</b>	<b>311</b>	<b>510</b>	<b>365</b>	<b>104</b>	<b>0</b>	<b>347</b>	<b>0</b>	<b>43</b>	<b>0</b>
<b>B</b>	<b>Năm 2017</b>																		
<b>I</b>	<b>Nghề nông nghiệp</b>																		
1	Trồng cây công nghiệp	35	65	8	0	0	0	0	0	0	35	30	30	0	0	30	0	0	0
2	Kỹ thuật trồng cây ăn quả	55	66	11	0	0	0	0	0	0	35	31	31	0	0	31	0	0	0
3	Kỹ thuật thú y	30	50	5	0	0	0	0	0	0	30	20	20	0	0	20	0	0	0





TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người LĐNT được học nghề Đề án 1956									Hiệu quả sau học nghề							
			Tổng số	Nữ	Đối tượng I					Đối tượng II	Đối tượng III	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá
					Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật										
1	Máy (Diên Toàn)	35	17	17	0	0	0	0	0	0	17	17	14	3	0	11	0	0	0
2	Điện lạnh (Diên Phước)	35	16	0	0	0	0	0	0	1	15	16	12	0	0	12	0	0	0
3	Xây dựng (Diên Bình)	35	35	2	1	0	0	0	0	6	28								
4	Xây dựng (Diên Xuân)	35	31	0	0	0	3	0	0	23	5								
5	Xây dựng (Diên An)	35	35	12	0	0	0	19	0	0	16								
6	Nấu ăn (Diên Lâm)	35	31	29	0	0	0	0	0	1	30								
7	Nấu ăn (Suối Hiệp)	35	27	23	0	0	2	0	0	2	23								
8	Nấu ăn (Thị trấn)	35	32	28	0	0	2	6	0	0	24								
	<b>Tổng số (II)</b>	<b>280</b>	<b>224</b>	<b>111</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>33</b>	<b>158</b>	<b>33</b>	<b>26</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>CỘNG D</b>	<b>315</b>	<b>252</b>	<b>118</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>8</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>33</b>	<b>185</b>	<b>61</b>	<b>54</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>51</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
III	<b>Tổng số (A+B+C+D)</b>	<b>2190</b>	<b>1751</b>	<b>928</b>	<b>2</b>	<b>53</b>	<b>188</b>	<b>25</b>	<b>12</b>	<b>223</b>	<b>1167</b>	<b>1372</b>	<b>1130</b>	<b>134</b>	<b>0</b>	<b>1082</b>	<b>0</b>	<b>81</b>	<b>0</b>